

Tuần 2 .

Thứ tư ngày 21 tháng 08 năm 20.....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán

Tiết 8. Ôn tập: Phép nhân và phép chia hai phân số

I. Mục tiêu

Giúp HS:

- Biết thực hiện các phép nhân và phép chia hai phân số.

II. Chuẩn bị:

- Bảng nhóm, bảng con.

II. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ổn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1) Tính:</p> <p>a) $4 + \frac{1}{3}$; b) $3 + \frac{5}{7} - \frac{6}{7}$</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>2. Dạy học bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Vừa rồi chúng ta đã ôn tập phép cộng và phép trừ 2 phân số. Hôm nay, các em tiếp tục ôn tập: Phép nhân và phép chia 2 phân số.</p> <p>2.2. Hướng dẫn ôn tập về cách thực hiện phép nhân và phép chia 2 phân số</p> <p>a) Phép nhân hai phân số:</p> <p>- GV viết lên bảng phép nhân $\frac{2}{7} \times \frac{5}{9}$ và yêu cầu HS thực hiện phép tính.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>- GV hỏi: Khi muốn nhân hai phân số với nhau ta làm như thế nào?</p> <p>b) Phép chia hai phân số</p> <p>- GV viết lên bảng phép chia $\frac{4}{5} : \frac{3}{8}$ và yêu cầu HS thực hiện tính.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> $\frac{2}{7} \times \frac{5}{9} = \frac{2 \times 5}{7 \times 9} = \frac{10}{63}$ <p>- HS nhận xét đúng/sai (nếu sai thì sửa lại cho đúng)</p> <p>- HS: Muốn nhân hai phân số với nhau ta lấy tử số nhân tử số, mẫu số nhân mẫu số.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm vào giấy nháp.</p> $\frac{4}{5} : \frac{3}{8} = \frac{4}{5} \times \frac{8}{3} = \frac{4 \times 8}{5 \times 3} = \frac{32}{15}$

<p>- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>- GV hỏi: Khi muốn thực hiện phép chia một phân số cho phân số ta làm như thế nào?</p> <p>2.3. Luyện tập – Thực hành</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV cho HS thực hiện bài 1 dưới dạng trò chơi truyền điện.</p> <p>Bài 2</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>- HS nhận xét đúng/sai. Nếu sai thì sửa lại cho đúng.</p> <p>- HS: Muốn chia một phân số cho một phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.</p> <p>- HS lần lượt thay nhau nêu kết quả phép tính.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm một phần, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>
<p>a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{9 \times 5}{10 \times 6} = \frac{3 \times 3 \times 5}{5 \times 2 \times 2 \times 3} = \frac{3}{4}$</p> <p>b) $\frac{6}{25} : \frac{21}{20} = \frac{6}{25} \times \frac{20}{21} = \frac{6 \times 20}{25 \times 21} = \frac{3 \times 2 \times 5 \times 4}{5 \times 5 \times 3 \times 7} = \frac{8}{35}$</p> <p>c) $\frac{40}{7} \times \frac{14}{5} = \frac{40 \times 14}{7 \times 5} = \frac{5 \times 8 \times 2 \times 7}{7 \times 5} = 16$</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 3</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.</p> <p>- GV chữa bài vào cho điểm HS.</p>	<p>- Nhận xét bài bạn, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- 1 HS lên bảng lớp làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p><i>Bài giải</i></p> <p>Diện tích của tấm bìa là:</p> $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} = \frac{1}{6} \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Chia tấm bìa thành 3 phần bằng nhau thì diện tích của mỗi phần là:</p> $\frac{1}{6} : 3 = \frac{1}{18} \text{ (m}^2\text{)}$ <p><i>Đáp số:</i> $\frac{1}{18} \text{ m}^2$</p>

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị sau: **Hỗn số**.

Tuần: 2

Thứ năm ngày 22 tháng 08 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán

Hỗn số

Tiết 9.

I. Mục tiêu:

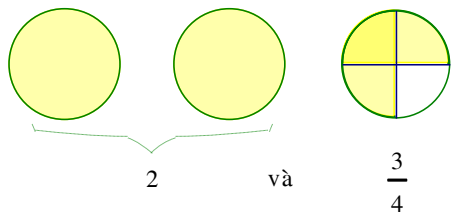
Biết đọc, viết hỗn số; biết hỗn số có phần nguyên và phần phân số

II. Chuẩn bị:

Các hình vẽ như trong SGK vẽ vào giấy khổ to, hoặc bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1) Tính:</p> <p>a) $\frac{6}{5} \times \frac{7}{10}$; b) $\frac{4}{7} \times 8$</p> <p>$\frac{3}{11} : \frac{2}{5}$; 4: $\frac{3}{7}$</p> <p>2. Dạy học bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng cả lớp tìm hiểu về "Hỗn số".</p> <p>2.2. Giới thiệu bước đầu về hỗn số</p> <p>- GV treo tranh như phần bài học cho HS quan sát và nêu vấn đề: Cô (thầy) cho bạn An 2 cái bánh và $\frac{3}{4}$ cái bánh. Hãy tìm cách viết số bánh mà cô (thầy) đã cho bạn An. Các em có thể dùng số, dùng phép tính.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- HS trao đổi với nhau, sau đó một số em trình bày cách viết của mình trước lớp. Ví dụ: Cô (thầy) đã cho bạn AN:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 2 cái bánh và $\frac{3}{4}$ cái bánh. • 2 cái bánh + $\frac{3}{4}$ cái bánh.



- $(2 + \frac{3}{4})$ cái bánh.
- $2\frac{3}{4}$ cái bánh...

- GV nhận xét sơ lược về các cách mà HS đưa ra, sau đó giới thiệu:

• Trong cuộc sống và trong toán học, để biểu diễn số bánh cô (thầy) đã cho bạn An, người ta dùng hỗn số.

- Có 2 cái bánh và $\frac{3}{4}$ cái bánh ta viết gọn thành $2\frac{3}{4}$ cái bánh.
- Có 2 và $\frac{3}{4}$ hay $2 + \frac{3}{4}$ viết thành $2\frac{3}{4}$.
- $2\frac{3}{4}$ gọi là hỗn số, đọc là *hai và ba phần tư* (hoặc có thể đọc gọn là “*hai, ba phần tư*”).
- $2\frac{3}{4}$ có phần nguyên là 2, phân phân số là $\frac{3}{4}$.

- GV viết to hỗn số $2\frac{3}{4}$ lên bảng, chỉ rõ phần nguyên, phân phân số, sau đó yêu cầu HS đọc hỗn số.

- GV yêu cầu HS viết hỗn số $2\frac{3}{4}$.

- GV hỏi: Em có nhận xét gì về phân số $\frac{3}{4}$ và 1?

- GV nêu: Phân phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.

2.3. Luyện tập – Thực hành

Bài 1

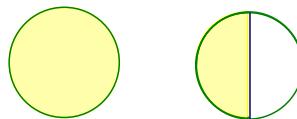
- GV treo tranh 1 hình tròn và $\frac{1}{2}$ hình tròn được tô màu và nêu yêu cầu: Em hãy viết hỗn số chỉ phần hình tròn được tô màu.

- Vì sao em viết đã tô màu $1\frac{1}{2}$ hình tròn?

- Một số HS nối tiếp nhau đọc và nêu rõ từng phần của hỗn số $2\frac{3}{4}$.

- HS viết vào giấy nháp và rút ra cách viết: Bao giờ cũng viết phần nguyên trước, viết phân số sau.

- HS: $\frac{3}{4} < 1$.



- 1 HS lên bảng viết và đọc hỗn số: $1\frac{1}{2}$ *một và một phần hai*.

- Vì đã tô màu 1 hình tròn, tô thêm $\frac{1}{2}$ hình tròn nữa, như vậy đã tô màu $1\frac{1}{2}$ hình tròn.

<p>- GV treo các hình còn lại của bài, yêu cầu HS tự viết và đọc các hỗn số được biểu diễn ở mỗi hình.</p> <p>- GV cho HS tiếp nối nhau đọc các hỗn số trên trước lớp.</p> <p>Bài 2</p>	<p>- HS viết và đọc các hỗn số:</p> <p>a) $2\frac{1}{4}$ đọc là hai và một phần tư.</p> <p>b) $2\frac{4}{5}$ đọc là hai và bốn phần năm.</p> <p>c) $3\frac{2}{3}$ đọc là ba và hai phần ba.</p>
<p>- GV vẽ hai tia số như trong SGK lên bảng, yêu cầu HS cả lớp làm bài, sau đó đi giúp đỡ các HS kém.</p> <p>- GV nhận xét bài của HS trên bảng lớp, sau đó cho HS đọc các phân số và các hỗn số trên từng tia số.</p> <p>Củng cố – Dặn dò</p> <p>- GV tổng kết giờ học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Hỗn số (tt).</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p>

Tuần: 2

Thứ sáu ngày 23 tháng 08 năm 20.....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán

Hỗn số (TT)

Tiết 10.

I. MỤC TIÊU:

Biết chuyển một hỗn số thành một phân số và vận dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia hai phân số để làm các bài tập.

II. Chuẩn bị:

Các tấm bìa (giấy) cắt vẽ hình như phần bài học SGK thể hiện hỗn số $2\frac{5}{8}$.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ:</p>	

1) Đọc các hỗn số sau:

$$6\frac{3}{5}; 8\frac{4}{7}; 4\frac{9}{10}; 16\frac{1}{3}$$

2) Viết các hỗn số sau:

- Ba và bốn phần năm.
- Sáu và hai phần chín.
- Mười bốn và một phần bảy.

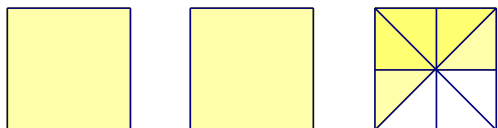
- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.

2. Dạy học bài mới:

2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta vẫn tiếp tục học về “**Hỗn số**” (tt).

2.2. Hướng dẫn chuyển hỗn số thành phân số

- GV dán hình vẽ như phần bài học của SGK lên bảng.



- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.

- HS quan sát hình.

- GV yêu cầu: Em hãy đọc hỗn số chỉ số phần hình vuông đã được tô màu.

- GV yêu cầu tiếp: Hãy đọc phân số chỉ số hình vuông đã được tô màu (Gợi ý: Mỗi hình vuông được chia thành 8 phần bằng

nhau).

- GV nêu vấn đề: Hãy tìm cách giải thích vì sao $2\frac{5}{8} = \frac{21}{8}$.

- GV cho HS trình bày cách của mình trước lớp, nhận xét các cách mà HS đưa ra, sau đó yêu cầu:

+ Hãy viết hỗn số $2\frac{5}{8}$ thành tổng của phần nguyên và phần thập phân rồi tính tổng này.

- HS nêu: Đã tô màu $2\frac{5}{8}$ hình vuông.

- HS nêu: Tô màu 2 hình vuông tức là đã tô màu 16 phần. Tô màu thêm $\frac{5}{8}$ hình

vuông tức là tô màu thêm 5 phần. Đã tô màu $16 + 5 = 21$ phần. Vậy có $\frac{21}{8}$ hình vuông được tô màu.

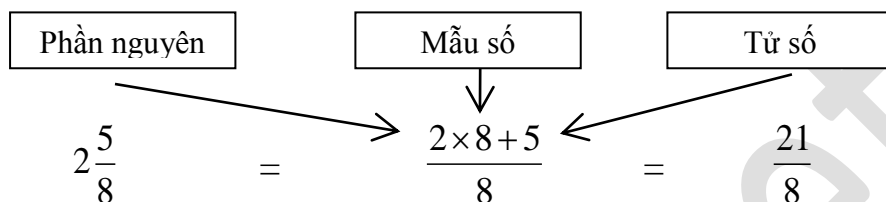
- HS trao đổi với nhau để tìm cách giải thích.

- HS làm bài:

$$2\frac{5}{8} = 2 + \frac{5}{8} = \frac{2 \times 8}{8} + \frac{5}{8} = \frac{2 \times 8 + 5}{8} = \frac{21}{8}$$

- GV viết to và rõ lên bảng các bước chuyển từ hỗn số $2\frac{5}{8}$ ra phân số $\frac{21}{8}$. Yêu cầu HS nêu rõ từng phần trong hỗn số $2\frac{5}{8}$.

- GV điền tên các phần của hỗn số $2\frac{5}{8}$ vào phần các bước chuyển để có sơ đồ như sau:



- GV yêu cầu: Dựa vào sơ đồ trên, em hãy nêu cách chuyển một hỗn số thành phân số.

- GV cho HS đọc phần nhận xét của SGK.

2.3. Luyện tập – Thực hành

Bài 1: Chuyển các hỗn số thành phân số:

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
 - GV yêu cầu HS làm bài.
 - GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó yêu cầu HS cả lớp tự kiểm tra bài của mình.

Bài 2

- Yêu cầu HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài.

- Yêu cầu HS tự đọc bài mẫu và làm bài

- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp.

- GV nhận xét và cho điểm HS.

Bài 3

- GV tổ chức cho HS làm bài tập 3 tương tự như cách tổ chức bài tập 2.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết giờ học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập**.

- HS nêu:

- 2 là phần nguyên.

- $\frac{5}{8}$ là phân phân số với 5 là tử số của phân số; 8 là mẫu số của phân số.

- 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến đến khi có câu trả lời hoàn chỉnh như phần nhận xét của SGK.

- 2 HS lần lượt đọc trước lớp.

- 3 HS lên bảng làm bài (mỗi HS làm một phần), HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

$$2\frac{1}{3} = \frac{7}{3}; 4\frac{2}{5} = \frac{22}{5}; 3\frac{1}{4} = \frac{13}{4}$$

- 1 HS nêu trước lớp: Bài tập yêu cầu chúng ta chuyển các hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

$$10\frac{3}{10} - 4\frac{7}{10} = \frac{103}{10} - \frac{47}{10} = \frac{56}{10}$$

- HS cả lớp theo dõi bài chữa của bạn và tự kiểm tra bài mình.

- HS làm bài.

$$8\frac{1}{6} : 2\frac{1}{2} = \frac{49}{6} : \frac{5}{2} = \frac{98}{30}$$

Tuần 3.

Thứ hai ngày 26 tháng 08 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán

Luyện tập

Tiết 11.

I. Mục tiêu*Giúp HS:*

- Biết cộng, trừ, nhân, chia hỗn số và biết so sánh các hỗn số.

II. Chuẩn bị :

GV: Bảng nhóm. HS : Bảng con.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1) Tính:</p> $6\frac{5}{8} : 2\frac{1}{4} - \frac{13}{4} \times \frac{2}{10}$ <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
<p>2. Dạy - học bài mới</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Vừa rồi chúng ta đã được tìm hiểu rất kĩ về “Hỗn số”. Hôm nay cả lớp sẽ <i>luyện tập</i> về hỗn số.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV yêu cầu HS tự làm bài tập.</p> <p>- GV chữa bài, hỏi 2 HS lên làm bài trên bảng: Em hãy nêu cách chuyển từ hỗn số thành phân số.</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 2</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài toán.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- 2 HS vừa lên bảng làm bài lần lượt trả lời. HS cả lớp theo dõi để nhận xét.</p> <p>- HS đọc thầm.</p>

<p>- GV viết lên bảng: $3\frac{9}{10} \dots 2\frac{9}{10}$, yêu cầu HS suy nghĩ và tìm cách so sánh hai hỗn số trên.</p>	<p>- HS tìm cách so sánh. - Một số HS trình bày cách so sánh của mình trước lớp. Ví dụ; • Chuyển cả hai hỗn số về phân số rồi so sánh: $3\frac{9}{10} = \frac{39}{10}; \quad 2\frac{9}{10} = \frac{29}{10}$</p>
<p>- GV nhận xét.</p> <p>Bài 3</p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV hỏi HS về cách thực hiện phép cộng (phép trừ) hai phân số cùng mẫu số, khác mẫu số. - GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>3. Củng cố – Dặn dò</p> <p>- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Luyện tập chung.</p>	<p>Ta có: $\frac{39}{10} > \frac{29}{10}$, vậy $3\frac{9}{10} > 2\frac{9}{10}$</p> <p>• So sánh từng phần của hai hỗn số: Ta có phần nguyên $3 > 2$ nên $3\frac{9}{10} > 2\frac{9}{10}$</p> <p>- HS theo dõi nhận xét của GV, sau đó tự làm tiếp các phần còn lại của bài.</p> <p>- HS nêu: Bài tập yêu cầu chúng ta chuyển các hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính. - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. - HS nhận xét đúng/sai (nếu sai thì sửa lại cho đúng). - 2 HS lần lượt trả lời, cả lớp theo dõi và nhận xét, bổ sung ý kiến.</p>

Tuần 3.

Thứ ba ngày 27 tháng 08 năm 20.....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán

Luyện tập chung

Tiết 12.

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

Biết chuyển:

- Phân số thành phân số thập phân.
- Hỗn số thành phân số
- Số đo từ đơn vị bé ra đơn vị lớn, số đo có hai tên đơn vị đo thành số đo có một tên đơn vị đo.

II. Chuẩn bị :

GV : bảng nhóm ; HS : bảng con.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính:</p> <p>a) $\frac{35}{7} - 2\frac{1}{3}$; b) $9\frac{1}{8} : 2\frac{7}{9}$</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
<p>2. Dạy - học bài mới :</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, lớp chúng ta có một tiết “<i>Luuyên tập chung</i>” về phân số thập phân và hỗn số.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài toán.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài. (Nhắc HS chọn cách làm sao cho phân số thập phân tìm được là phân số bé nhất có thể).</p> $\frac{14}{70} = \frac{14:7}{70:7} = \frac{2}{10}$ $\frac{75}{300} = \frac{75:3}{300:3} = \frac{25}{100}$ <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS đọc thành tiếng trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> $\frac{11}{25} = \frac{11 \times 4}{25 \times 4} = \frac{44}{100}$ $\frac{23}{500} = \frac{23 \times 2}{500 \times 2} = \frac{46}{1000}$
<p>Bài 2</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>- HS đọc thầm đề bài trong SGK.</p> <p>- HS: Bài tập yêu cầu chúng ta chuyển các hỗn số thành phân số.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm . HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>

- GV chữa bài và cho điểm HS.

Bài 3: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu của BT và tự làm bài.

- Nhận xét, ghi điểm.

Bài 4. Viết các số đo độ dài theo mẫu:

- GV viết lên bảng số đo 5m7dm. GV nêu vấn đề: Hãy suy nghĩ để tìm cách viết số đo 5m7dm thành số đo có một đơn vị là m.

- GV nhận xét các cách làm của HS, tuyên dương các cách làm đúng, sau đó nêu: Trong bài tập này chúng ta sẽ chuyển các số đo có hai tên đơn vị thành số đo có một tên đơn vị viết dưới dạng hỗn số.

- GV yêu cầu HS làm bài.

3. Củng cố – Dặn dò :

- GV NX tiết học, dặn HS chuẩn bị bài: **Luyện tập chung** ./.

$$8\frac{2}{5} = \frac{8 \times 5 + 2}{5} = \frac{42}{5}; \quad 5\frac{3}{4} = \frac{5 \times 4 + 3}{4} = \frac{23}{4}$$

- Đọc Y/C, tự làm bài:

$$\begin{array}{lll} 3\text{dm} = \text{m} & 1\text{g} = \text{kg} & 1 \text{ phút} = \text{giờ} \\ 9 \text{ dm} = \text{m} & 8\text{g} = \text{kg} & 6 \text{ phút} = \text{giờ} \\ & 25\text{g} = \text{kg} & 12 \text{ phút} = \text{giờ} \end{array}$$

- HS trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết vấn đề. Sau đó HS nêu cách làm của mình trước lớp (có thể đúng hoặc sai).

Ví dụ:

• Ta có $7\text{dm} = \frac{7}{10}\text{m}$

nên $5\text{m}7\text{dm} = 5\text{m} + \frac{7}{10}\text{m}$

$$= \frac{50}{10} + \frac{7}{10} = \frac{57}{10} (\text{m})$$

• $5\text{m}7\text{dm} = 5\text{m} + \frac{7}{10}\text{m} = \left(5 + \frac{7}{10}\right)\text{m}$

- 2 HS lên bảng , HS cả lớp làm bài vào VBT.

Tuần 3.

Thứ tư ngày 28 tháng 08 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán

Luyện tập chung

Tiết: 13

I. Mục tiêu:

Giúp HS biết:

- Cộng, trừ phân số, hỗn số
- Chuyển các số đo có hai tên đơn vị đo thành số đo có một tên đơn vị đo
- Giải bài toán tìm một số biết giá trị một phân số của số đó

II. Chuẩn bị :

GV : bảng nhóm ; HS : bảng con.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1 . Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Hãy viết các độ dài dưới đây có đơn vị là m.</p> <p>5m 6dm; 9m 64cm 2m 45mm; 9m4cm</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>2 . Dạy học bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, cô cùng các em ôn luyện phép cộng, phép trừ các phân số; giải toán về tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV yêu cầu HS tự làm bài, nhắc HS khi quy đồng mẫu số các phân số chú ý chọn mẫu số chung bé nhất có thể.</p> <p>- GV yêu cầu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>Bài 2</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập</p> <p>a) $\frac{5}{8} - \frac{2}{5} = \frac{25}{40} - \frac{16}{40} = \frac{9}{40}$</p> <p>b) $1\frac{1}{10} - \frac{3}{4} = \frac{11}{10} - \frac{3}{4} = \frac{22}{20} - \frac{15}{20} = \frac{7}{20}$</p>
<p>- GV cho HS chữa bài trước lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 4</p> <p>- GV yêu cầu các HS khá tự làm bài, sau đó đi hướng dẫn các HS kém.</p> <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 5</p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài toán.</p>	<p>- 3 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- Nhận xét bài bạn, nếu bạn làm sai thì sửa lại cho đúng.</p> <p>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong vở bài tập.</p>

+ GV yêu cầu HS khá làm bài, hướng dẫn riêng cho các HS yếu:

3 HS làm bài vào vở bài tập.

Bài giải:

Từ sơ đồ ta nhận thấy nếu chia quãng đường AB thành 10 phần bằng nhau thì 3 phần dài 12km.

Mỗi phần dài là (hay $\frac{1}{10}$ quãng đường AB dài là):

$$12 : 3 = 4 \text{ (km)}$$

Quãng đường AB dài là:

$$4 \times 10 = 40 \text{ (km)}$$

Đáp số: 40km.

3 . Củng cố – Dặn dò :

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: ***Luyện tập chung.***

Tuần 3.

Thứ năm ngày 29 tháng 08 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán

Luyện tập chung

Tiết: 14

I. Mục tiêu:*Giúp HS* biết :

- Nhân, chia hai phân số.
- Chuyển các số đo có hai tên đơn vị đo thành số đo dạng hỗn số có một tên đơn vị đo

II. Chuẩn bị:

GV : bảng nhóm. HS : bảng con.

II. Các hoạt động dạy – học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: $\frac{3}{7}$ số vải có là 36m. Tính số vải có? - GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>2. Dạy học bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ ôn luyện về phép nhân, chia các phân số, tìm thành phần chưa biết của phép tính, đổi số đo hai đơn vị thành số đo 1 đơn vị dưới dạng hỗn số và giải toán về diện tích các hình.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV cho HS thực hiện trên bảng con. - GV cho HS chữa bài của bạn trên bảng lớp.</p> <p>Bài 2</p> <p>- GV cho HS đọc đề. - GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài, sau đó yêu cầu 4 HS vừa lên bảng làm bài nêu rõ cách tìm x của mình. - GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 3</p> <p>- GV cho HS đọc đề và cho HS thực</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- HS cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- 1 HS đọc đề. - 4 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. - 4 HS lần lượt nêu cách tìm.</p>

hiện bài 3 dưới hình thức trò chơi “*Truyền điện*”.

3. Củng cố – Dặn dò :

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: ***Ôn tập về giải toán.***

Tuần 3.

Thứ sáu ngày 30 tháng 08 năm 20.....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán

Tiết 15.

Ôn tập về giải toán

I. Mục tiêu:

Giúp HS:

Làm được bài tập dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.

II. Chuẩn bị:

Hình vẽ trong bài tập 4 vẽ sẵn vào bảng phụ, hoặc giấy khổ to.

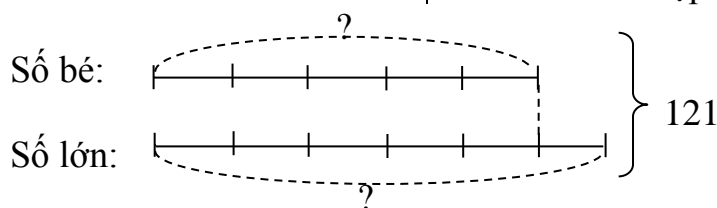
II. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ôn định:</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Tìm x, biết: a) $x + \frac{3}{5} = 1\frac{2}{5}$; b) $x : \frac{5}{9} = \frac{4}{7} \times \frac{1}{2}$</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>2. Dạy học bài mới:</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng cả lớp sẽ giải quyết một số bài toán có dạng tìm 2 số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của 2 số đó qua bài: <i>Ôn tập về giải toán.</i></p> <p>2.2. Hướng dẫn ôn tập</p> <p>a) Bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó</p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài toán 1 trên bảng.</p> <p>- GV hỏi: Bài toán thuộc dạng gì?</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS đọc thành tiếng, HS cả lớp đọc thầm.</p> <p>- Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết</p>

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ và giải bài toán.

tổng và tỉ số của hai số đó.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.



Bài giải

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 6 = 11 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số bé là: } 121 : 11 \times 5 = 55$$

$$\text{Số lớn là: } 121 - 55 = 66$$

Đáp số: Số bé: 55; Số lớn: 66

- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.

- GV cho HS nêu các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

- HS nhận xét đúng/sai. Nếu bạn làm sai thì sửa lại cho đúng.

- HS trình bày:

+ Các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số là:

- Vẽ sơ đồ minh họa bài toán.
- Tìm tổng số phần bằng nhau.
- Tìm giá trị của một phần.
- Tìm các số.

Bước tìm giá trị của một phần và bước tìm số bé (lớn) có thể gộp vào với nhau.

- GV nhận xét ý kiến của HS.

b) Bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó

- GV yêu cầu HS đọc bài toán 2.

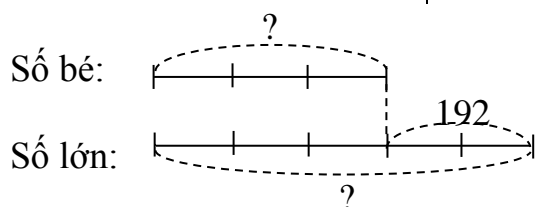
- GV hỏi: Bài toán thuộc dạng toán gì?

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ và giải bài toán.

- 1 HS đọc thành tiếng đề bài trước lớp. HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.

- HS nêu: bài toán thuộc dạng toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.



Bài giải

Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số bé là: } 192 : 2 \times 3 = 288$$

Số lớn là: $288 + 192 = 480$

Đáp số: 288 và 480

- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.
- GV cho HS nêu các bước giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

- HS nhận xét bạn làm bài đúng/sai. Nếu sai thì sửa lại cho đúng.

- HS trình bày:

+ Các bước giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ của hai số là:

- Vẽ sơ đồ minh họa bài toán.
- Tìm hiệu số phần bằng nhau.
- Tìm giá trị một phần.
- Tìm các số.

Bước tìm giá trị của một phần và bước tìm số bé (lớn) có thể gộp vào với nhau.

- GV nhận xét ý kiến của HS.
- GV hỏi tiếp: Cách giải bài toán “*Tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số*” có gì khác với giải bài toán “*Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số*”?

- Hai bài toán khác nhau là:

+ Bài toán “*Tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số*” ta tính tổng số phần bằng nhau còn bài toán “*Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ của hai số đó*” ta tính hiệu số phần bằng nhau.

+ Để tìm giá trị của một phần bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số ta lấy tổng hai số chia cho tổng số phần bằng nhau. Bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số ta lấy hiệu chia cho hiệu số phần bằng nhau.

2.3. Luyện tập

Bài 1

- GV yêu cầu HS tự làm bài, sau đó gọi HS đọc bài chữa trước lớp.
- GV nhận xét bài làm của HS và cho điểm

- HS làm bài.

3. Củng cố – Dặn dò :

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: ***Ôn tập và bổ sung về giải toán.***

Tuần 4.

Thứ hai ngày 02 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán

Tiết 16 :

Ôn tập và bổ sung về giải toán**I. Mục tiêu :****Giúp HS:**

-Biết một dạng quan hệ tỉ lệ(đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần)

- Biết giải bài toán có liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách "Rút về đơn vị" hoặc "Tìm tỉ số".

II. Chuẩn bị:

Bảng số trong ví dụ 1 viết sẵn vào bảng phụ hoặc giấy khổ to.

II. Các hoạt động dạy – học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>Tìm 2 số, biết tổng của chúng bằng 450 và $\frac{1}{2}$ số thứ I bằng $\frac{1}{3}$ số thứ II.</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta tiếp tục ôn về giải toán có quan hệ tỉ lệ.</p> <p>2. Tìm hiểu ví dụ về quan hệ tỉ lệ (thuận)</p> <p>a) Ví dụ</p> <p>- GV treo bảng phụ có viết sẵn nội dung của ví dụ và yêu cầu HS đọc.</p> <p>- GV hỏi: 1 giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?</p> <p>- 2 giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?</p> <p>- 2 giờ gấp mấy lần 1 giờ?</p> <p>- 8km gấp mấy lần 4 km?</p> <p>- Như vậy khi thời gian đi gấp lên 2 lần thì quãng đường đi được gấp lên mấy lần?</p> <p>- GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó nêu kết luận: Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường đi được cũng gấp lên bấy nhiêu lần.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS đọc thành tiếng trước lớp, HS cả lớp đọc thầm.</p> <p>- HS: 1 giờ người đó đi được 4km.</p> <p>- 2 giờ người đó đi được 8km.</p> <p>- 2 giờ gấp 1 giờ 2 lần. 8km gấp 4km 2 lần.</p> <p>- Khi thời gian đi gấp 2 lần thì quãng đường đi được gấp lên 2 lần.</p> <p>- HS nghe và nêu lại kết luận.</p>

<p>- GV nêu: Chúng ta sẽ dựa vào mối quan hệ tỉ lệ này để giải bài toán.</p> <p>b) Bài toán</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài toán.</p> <p>- GV hỏi: Bài toán cho em biết những gì?</p> <p>- GV: Bài toán hỏi gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS <i>Tóm tắt</i> bài toán.</p> <p>- GV hướng dẫn HS viết <i>Tóm tắt</i> đúng như phần bài học SGK đã trình bày.</p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ và tìm cách giải bài toán.</p> <p>+ Giải bằng cách “Rút về đơn vị” SGK/19.</p> <p>- Dựa vào mối quan hệ nào chúng ta có thể làm như thế?</p> <p>- GV nêu: Bước tìm số ki-lô-mét đi trong 1 giờ ở bài toán trên gọi là bước <i>rút về đơn vị</i>.</p> <p>+ Giải bằng cách “Tìm tỉ số”. SGK/19</p> <p>- GV hỏi: So với 2 giờ thì 4 giờ gấp mấy lần?</p> <p>- Như vậy chúng ta đã làm như thế nào để tìm được quãng đường ô tô đi trong 4 giờ?</p> <p>- GV nêu: Bước tìm xem 4 giờ gấp 2 giờ mấy lần được gọi là bước <i>“Tìm tỉ số”</i>.</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, các HS khác đọc thầm trong SGK.</p> <p>- HS: Bài toán cho biết 2 giờ ô tô đi được 90km.</p> <p>- Bài toán hỏi 4 giờ ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét.</p> <p>- HS <i>Tóm tắt</i> bài toán, 1 HS <i>Tóm tắt</i> trên bảng.</p> <p>- HS trao đổi để tìm cách giải bài toán.</p> <p>- HS trao đổi và nêu: Lấy 90km chia cho 2.</p> <p>Một giờ ô tô đi được $90 : 2 = 45$ (km)</p> <p>- Vì biết khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường đi được gấp lên bấy nhiêu lần nên chúng ta làm được như vậy.</p> <p>- HS trình bày lời giải bài toán như SGK vào vở.</p> <p>- Số lần 4 giờ gấp 2 giờ là $4 : 2 = 2$ (lần)</p> <p>- Chúng ta đã:</p> <p>+ Tìm xe 4 giờ gấp 2 giờ mấy lần.</p> <p>+ Lấy 90 nhân với số lần vừa tìm được.</p> <p>- HS trình bày <i>Bài giải</i> như SGK vào vở.</p>
<p>3. Luyện tập – Thực hành</p> <p>Bài 1 - GV gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>- GV hỏi: Bài toán cho em biết gì?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- GV hỏi: Theo em, nếu giá vải không đổi, số tiền mua vải gấp lên thì số vải mua được sẽ như thế nào (tăng lên hay giảm đi)?</p> <p>- Số tiền mua vải giảm thì số vải mua được sẽ như thế nào?</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp.</p> <p>- Bài toán cho biết mua 5m vải thì hết 80000 đồng.</p> <p>- Bài toán hỏi mua 7m vải đó thì hết bao nhiêu tiền.</p> <p>- HS: Số tiền mua vải gấp lên thì số vải mua được cũng tăng lên</p> <p>- Số tiền mua vải giảm đi thì số vải mua được sẽ giảm đi.</p>

<p>- GV: Em hãy nêu mối quan hệ giữa số tiền và số vải mua được.</p>	<p>- HS: Khi số tiền gấp lên bao nhiêu lần thì số vải mua được sẽ gấp lên bấy nhiêu lần.</p>
<p>- GV yêu cầu dựa vào bài toán ví dụ và làm bài.</p> <p style="text-align: center;"><i>Tóm tắt</i></p> <p>5m : 80000 đồng 7m : ... đồng ?</p> <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p> <p style="text-align: center;">Củng cố – Dặn dò</p> <p>- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Luyện tập.</p>	<p>- HS làm bài theo cách “Rút về đơn vị”. 1 HS làm bài trên bảng lớp, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Mua 1m vải hết số tiền là: $80000 : 5 = 16000$ (đồng) Mua 7m vải đó hết số tiền là: $16000 \times 7 = 112000$ (đồng) <i>Đáp số:</i> 112000 đồng</p> <p>- Theo dõi bài chữa của bạn, sau đó tự kiểm tra bài của mình.</p>

Tuần 4.

Thứ ba ngày 03 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán

Luyện tập

Tiết 17:

I. Mục tiêu :

Giúp HS:

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách” Rút về đơn vị” hoặc “ Tìm tỉ số”.

II. Chuẩn bị :

III. Các hoạt động dạy- học :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p style="text-align: center;">Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Mua 6kg đường giá 48000 đồng. Hỏi mua 12kg đường hết bao nhiêu tiền? - GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>

Dạy – học bài mới

1. Giới thiệu bài: Vừa rồi chúng ta đã ôn tập giải toán có liên quan đến quan hệ tỉ lệ. Hôm nay chúng ta tiếp tục **Luyện tập**.

2. Hướng dẫn luyện tập:**Bài 1**

- GV gọi HS đọc đề bài toán.

- GV yêu cầu HS **Tóm tắt** bài toán rồi giải.

Tóm tắt

12 quyển : 24000 đồng

30 quyển : ... đồng ?

- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp.

Bài 3

Tóm tắt

120 học sinh : 3 ô tô

160 học sinh : ... ô tô

- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp.

Bài 4

- GV gọi HS đọc đề bài toán.

- GV yêu cầu HS tự làm.

Tóm tắt

2 ngày : 72000 đồng

5 ngày : ... đồng ?

- GV chữa bài, nhận xét và cho điểm HS.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Ôn tập và bổ sung về giải toán**.

- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.

- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Bài giải

Mua 1 quyển vở hết số tiền là:

$$24000 : 12 = 2000 \text{ (đồng)}$$

Mua 30 quyển vở hết số tiền là:

$$2000 \times 30 = 60000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 60000 đồng

- HS nhận xét bạn làm bài, nếu sai thì sửa lại cho đúng.

Bài giải

Mỗi ô tô chở được số học sinh là:

$$120 : 3 = 40 \text{ (học sinh)}$$

Số ô tô cần để chở 160 học sinh là:

$$160 : 40 = 4 \text{ (ô tô)}$$

Đáp số: 4 ô tô

- 1 HS chữa bài của bạn, HS cả lớp theo dõi và tự kiểm tra bài mình.

- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Bài giải

Số tiền công được trả cho 1 ngày làm là:

$$72000 : 2 = 36000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền công được trả cho 5 ngày làm là:

$$36000 \times 5 = 180000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 180000 đồng.

Tuần 4.

Thứ tư ngày 04 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán**Tiết 18: Ôn tập và bổ sung về giải toán (tt)****I. Mục tiêu****Giúp HS:**

Biết một dạng quan hệ tỉ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng lại giảm đi bấy nhiêu lần). Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

II. Chuẩn bị :

GV :bảng nhóm. HS :bảng con.

III. Các hoạt động dạy – học :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
May 8 cái áo hết 16m vải. Hỏi nếu may 10 cái áo như vậy hết bao nhiêu m vải? - GV nhận xét và cho điểm HS.	- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.
Dạy – học bài mới	
1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta vẫn tiếp tục Giải các bài toán có liên quan tỉ lệ nhưng mỗi liên quan tỉ lệ này khác với tiết học trước.	- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.
2.2. Tìm hiểu ví dụ về quan hệ tỉ lệ (nghịch)	
a) GV cho HS đọc ví dụ - GV nêu một số câu hỏi – phân tích đề. - GV yêu cầu HS nhắc lại kết luận trên	- 2 HS lần lượt nhắc lại.
b) Bài toán - GV gọi HS đọc đề bài toán trước lớp. - GV nêu câu hỏi phân tích đề. • Giải bài toán bằng cách rút về đơn vị	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS trả lời.
- GV yêu cầu HS đọc lại đề bài, cho HS giải cách rút về đơn vị.	- Trình bày như C1 trong SGK/21.

<ul style="list-style-type: none"> • Giải bằng cách tìm tỉ số - GV cho HS đọc lại đề. - Yêu cầu HS giải cách tìm tỉ số. <p>2.3. Luyện tập – Thực hành Bài 1</p>	<p>- Cách trình bày như C2 trong SGK/21.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài toán. - GV cho HS làm vào vở. <p style="text-align: center;"><i>Tóm tắt</i></p> <p>7 ngày : 10 người 5 ngày : ... người ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Để làm xong công việc trong 1 ngày thì cần số người là: $10 \times 7 = 70$ (người)</p> <p>Để làm xong công việc trong 5 ngày thì cần số người là: $70 : 5 = 14$ (người)</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số:</i> 14 người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS chữa bài của bạn, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến. - HS chữa bài của bạn trên bảng.
<p>Củng cố – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Luyện tập./. 	

Tuần 4.

Thứ năm ngày 05 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20.....

Toán**Luyện tập**

Tiết 19 :

I. Mục tiêu :**Giúp HS củng cố về:**

Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”

II. Chuẩn bị :

GV : bảng nhóm . HS : bảng con.

III. Các hoạt động dạy – học :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ: 4 người sửa xong đoạn đê trong 6 ngày. Nếu có 12 người sửa thì sẽ mất mấy ngày (biết mức làm của mỗi người như nhau). - GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>1. Giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, cả lớp tiếp tục luyện tập kiến thức đã được tiếp thu ở tiết trước.</p> <p>2. Hướng dẫn luyện tập - GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp. - GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 1 - GV gọi HS đọc đề bài toán. - GV hỏi: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS chữa bài của bạn, HS cả lớp theo dõi và tự kiểm tra bài mình.</p> <p>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.</p> <p>- HS làm bài, có thể có hai cách như sau:</p>
Tóm tắt	
3000 đồng : 25 quyển 1500 đồng : ... quyển ?	
Bài giải	
<p>Cách 1 Người đó có số tiền là: $3000 \times 25 = 75000$ (đồng)</p> <p>Nếu mỗi quyển vở giá 1500 đồng thì</p>	<p>Cách 2 3000 đồng gấp 1500 đồng số lần là: $3000 : 1500 = 2$ (lần)</p> <p>Nếu mỗi quyển vở giá 1500 đồng thì</p>

<p>mua được số vở là:</p> $75000 : 15 = 50 \text{ (quyển)}$ <p><i>Đáp số:</i> 50 quyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng lớp. <p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài toán trước lớp. - GV yêu cầu HS làm bài. <p style="text-align: center;"><i>Tóm tắt</i></p> <p>3 người : 800000 đồng/người/tháng 4 người : ... đồng/người/tháng ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chữa bài nhận xét và cho điểm HS <p style="text-align: center;">Củng cố – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Luyện tập chung. 	<p>mua được số vở là:</p> $25 \times 2 = 50 \text{ (quyển)}$ <p><i>Đáp số:</i> 50 quyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nhận xét bài làm của bạn. - 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Tổng thu nhập của gia đình đó là: $800000 \times 3 = 2400000 \text{ (đồng)}$</p> <p>Khi có thêm một người con thì bình quân thu nhập hằng tháng của mỗi người là:</p> $2400000 : 4 = 600000 \text{ (đồng)}$ <p>Như vậy, bình quân thu nhập hằng tháng của mỗi người đã giảm là:</p> $800000 - 600000 = 200000 \text{ (đồng)}$ <p><i>Đáp số:</i> 200000 đồng</p>
---	---

Tuần 4.

Thứ sáu ngày 06 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 05.08.20....

Toán**Luyện tập chung**

Tiết 20 :

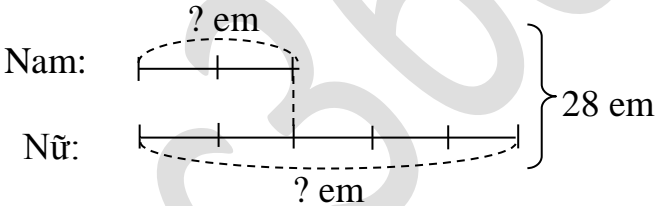
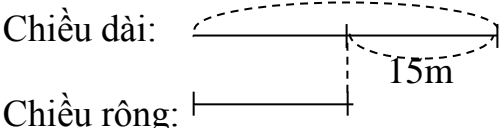
I. Mục tiêu :**Giúp HS củng cố về:**

Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ này bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

II. Chuẩn bị :

GV : bảng nhóm . HS : bảng con .

III. Các hoạt động dạy – học :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p style="text-align: center;">Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Mua 10 lít dầu hết 150000 đồng. Hỏi mua 5 lít dầu như vậy hết bao nhiêu tiền? - GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p style="text-align: center;">Dạy – học bài mới</p> <p>1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng cả lớp ôn tập các dạng toán có lời văn đã học ở những tiết trước.</p> <p>2. Hướng dẫn luyện tập Bài 1 - GV yêu cầu HS đọc đề bài toán trước lớp. - GV yêu cầu HS nêu dạng của bài toán. - GV yêu cầu HS làm bài.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: $2 + 5 = 7$ (phần)</p> <p>Số học sinh nam là: $28 : 7 \times 2 = 8$ (em) Số học sinh nữ là : $28 - 8 = 20$ (em)</p> <p style="text-align: right;"><i>Đáp số:</i> nam 8 em; nữ 20 em</p> <p>- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.</p> <p>- HS nêu: Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.</p> <p>- 1 HS lên bảng lớp làm bài, HS cả lớp làm bài vào SGK.</p>
<p>Bài 2 - GV tổ chức cho HS làm bài tập 2 tương tự như cách tổ chức làm bài tập 1.</p> <div style="text-align: center;">  </div>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>

Bài giải

Tuần 5. Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là: $2 - 1 = 1$ (phần)
 Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật là: $15 : 1 = 15$ (m)
 Chiều dài của mảnh đất hình chữ nhật là: $15 + 15 = 30$ (m)
 Chu vi của mảnh đất hình chữ nhật là: $(15 + 30) \times 2 = 90$ (m)
Thu hai ngày 09 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06/09/20...
 Toán: $(15 + 30) \times 2 = 90$ (m)
 Đáp số: 90m

Tiết 21: **Ôn tập: bảng đơn vị đo độ dài**

I. Mục tiêu: Tóm tắt

- Biết tên gọi, kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo độ dài thông dụng
- Biết chuyển đổi các số đo độ dài và giải các bài toán với các số đo độ dài

II. Chuẩn bị:

Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1.

III. Các hoạt động dạy - học:

- GV nhận xét và cho điểm HS.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Ôn tập: Bảng đơn vị đo độ dài.**
- Kiểm tra bài cũ:

Bài giải

$100\text{km} : 50\text{km} = 2$ (lần)
 Đi 50km thì tiêu thụ hết số lít xăng là:
 $12 : 2 = 6$ (l)
 Đáp số: 6l

Hoạt động dạy	Hoạt động học
----------------------	----------------------

Chị Lan có một số tiền, nếu mua dầu phụng với giá $15000^d/1l$ thì mua được 4l. Hỏi nếu mua dầu giá $20000^d/1l$ thì mua được mấy l?

- GV nhận xét và cho điểm HS.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.

Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng cả lớp sẽ ôn tập về đơn vị đo độ dài và giải một số bài toán.

2.2. Hướng dẫn ôn tập

Bài 1

- GV treo bảng có sẵn nội dung bài tập và yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV hỏi: 1m bằng bao nhiêu dm?

- GV viết vào cột mét: $1\text{ m} = 10\text{ dm}$

- 1m bằng bao nhiêu dam?

- GV viết tiếp vào cột mét để có

$$1\text{ m} = 10\text{ dm} = \frac{1}{10}\text{ dam.}$$

- GV yêu cầu HS làm tiếp các cột còn lại trong bảng.

- GV hỏi: Dựa vào bảng hãy cho biết trong hai đơn vị đo độ dài liền nhau thì đơn vị lớn gấp mấy lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng mấy phần đơn vị lớn.

Bài 2

- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.

- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp, sau đó yêu cầu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.

Bài 3

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV viết lên bảng $4\text{ km } 37\text{ m} = \dots \text{ m}$ và yêu cầu HS nêu cách tìm số thích hợp điền vào chỗ trống

- GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài.

- GV nhận xét bài làm của HS, sau đó cho điểm.

- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.

- HS đọc đề bài.

- HS: $1\text{ m} = 10\text{ dm}$.

- HS: $1\text{ m} = \frac{1}{10}\text{ dam}$

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

- HS nêu: Trong 2 đơn vị đo độ dài liền nhau thì đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

- 2 HS lên bảng làm bài a và c, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

- HS đọc thêm đề bài trong SGK.

- HS nêu:

$$\begin{aligned} 4\text{ km } 37\text{ m} &= 4\text{ km} + 37\text{ m} \\ &= 4000\text{ m} + 37\text{ m} \\ &= 4037\text{ m} \end{aligned}$$

Vậy $4\text{ km } 37\text{ m} = 4037\text{ m}$.

- 1 HS làm bài trên bảng lớp, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Ôn tập: Bảng đơn vị đo khối lượng./**

Tuần 5. Thứ ba ngày 10 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 22 : **Ôn tập: Bảng đơn vị đo khối lượng**

I. Mục tiêu:

Giúp HS củng cố về:

- Biết tên gọi, kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo khối lượng thông dụng
- Biết chuyển đổi các số đo độ dài và giải các bài toán với các số đo khối lượng

II. Chuẩn bị:

Bảng phụ viết sẵn bài tập 1.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p style="text-align: center;">Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a) 15m = cm 32dam = m 700m = hm</p> <p>b) 8cm = m 6m = dam 95m = hm</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p style="text-align: center;">Dạy – học bài mới</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cả lớp lại cùng cô ôn tập về bảng đơn vị đo khối lượng.</p> <p>2.2. Hướng dẫn ôn tập Bài 1</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p>

- GV treo bảng có sẵn nội dung bài tập và yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV hỏi: 1kg bằng bao nhiêu hg ?

- GV viết vào cột ki-lô-gam:

$$1\text{kg} = 10\text{hg}$$

- GV yêu cầu HS làm tiếp các cột còn lại trong bảng.

- GV hỏi: Dựa vào bảng hãy cho biết trong hai đơn vị đo khối lượng liền nhau thì đơn vị lớn gấp mấy lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng mấy phần đơn vị lớn.

Bài 2

- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.

Bài 4

- GV gọi HS đọc đề bài toán.

- GV yêu cầu HS tự làm bài.

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập**.

- HS đọc đề bài.

- HS: $1\text{kg} = 10\text{hg}$.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

- HS nêu: Trong 2 đơn vị đo khối lượng liền nhau thì đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

- 4 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

- 1 HS nhận xét, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến. Sau đó, HS đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.

- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Bài giải

Ngày thứ hai cửa hàng bán được là:

$$300 \times 2 = 600 \text{ (kg)}$$

Hai ngày đầu cửa hàng bán được là:

$$300 + 600 = 900 \text{ (kg)}$$

$$1 \text{ tấn} = 1000\text{kg}$$

Ngày thứ ba cửa hàng bán được là:

$$1000 - 900 = 100 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 100kg.
